CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Gang thép Cao Bằng

Ngày 30/06/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**3.6%**

DT thuần
Q2/25
530
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 112| 26.7%
YoY: ▲ 28.0| 5.5%

LN thuần
Q2/25
-132
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.0| -160%
YoY: ▼125| -1838%

LN sau thuế
Q2/25
-132
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.5| -162%
YoY: ▼119| -926%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-23.3%
YoY: +/-▼ 13.4%

ROE (TTM)
Q2/25
-124%
YoY: +/-▼ 63.1%

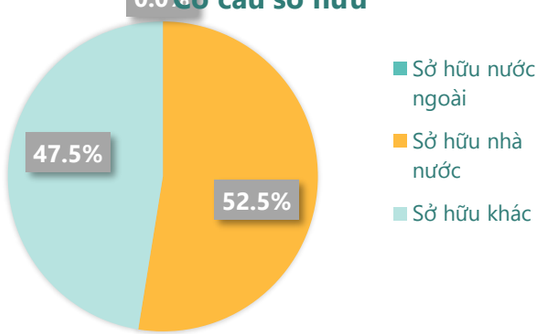
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	495
Số lượng CPLH (CP)	43,006,366
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,085
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.71
EPS	-7,473
P/E	-1.5

DT thuần
6T 2025
948
tỷ VNĐ
YoY: ▼238| -20.1%

LN thuần
6T 2025
-183
tỷ VNĐ
YoY: ▼177| -3140%

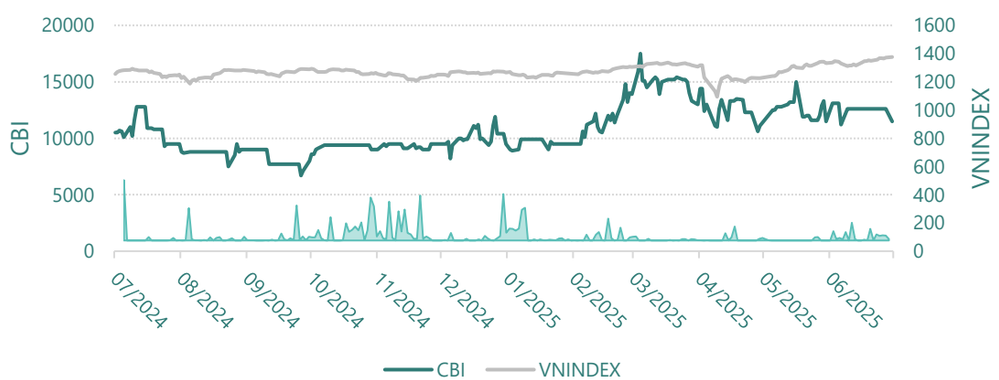
LN sau thuế
6T 2025
-183
tỷ VNĐ
YoY: ▼171| -1435%

Cơ cấu sở hữu

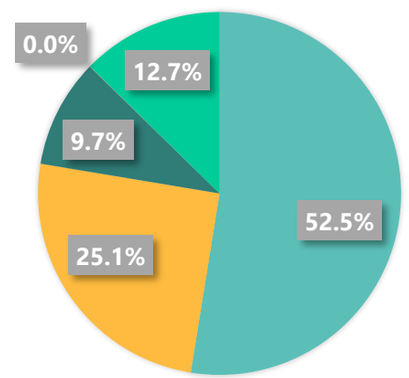


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

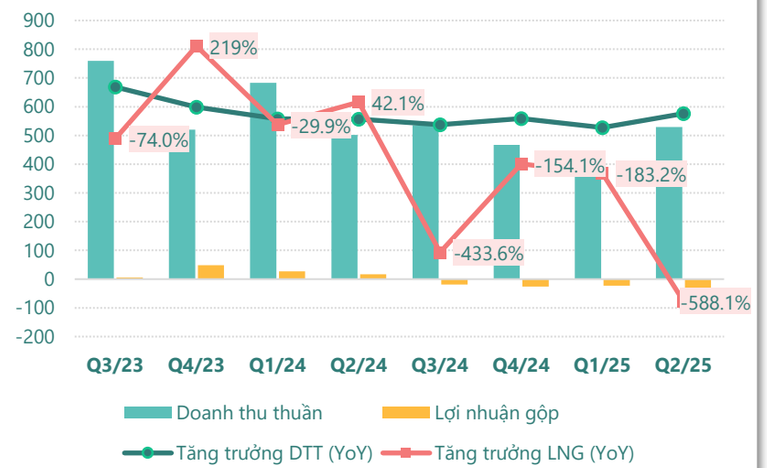


Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
CTCP Tập đoàn PC1
CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Nông Minh Huyễn
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

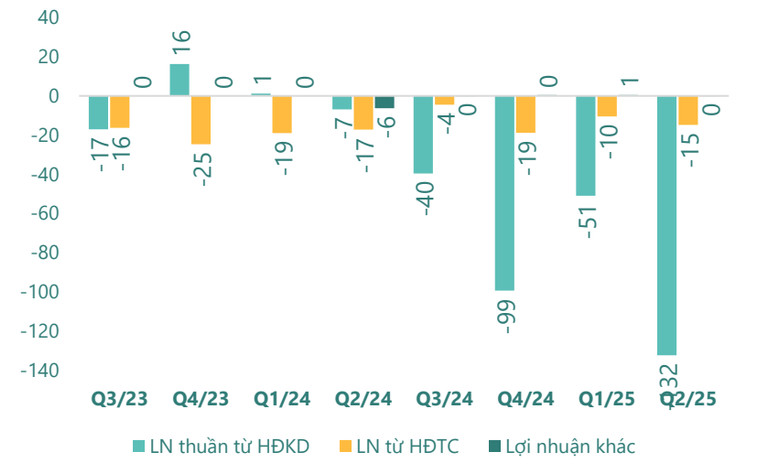
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



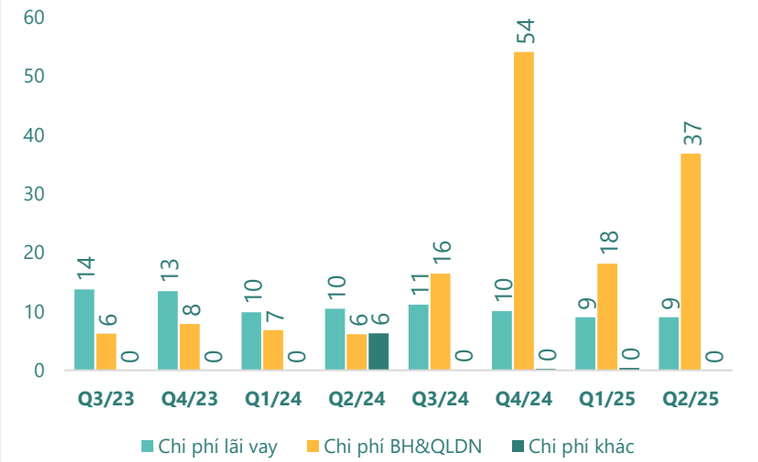
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



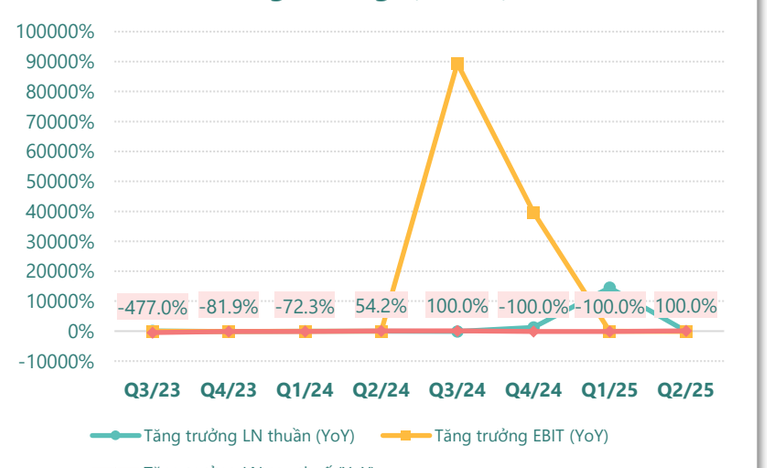
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



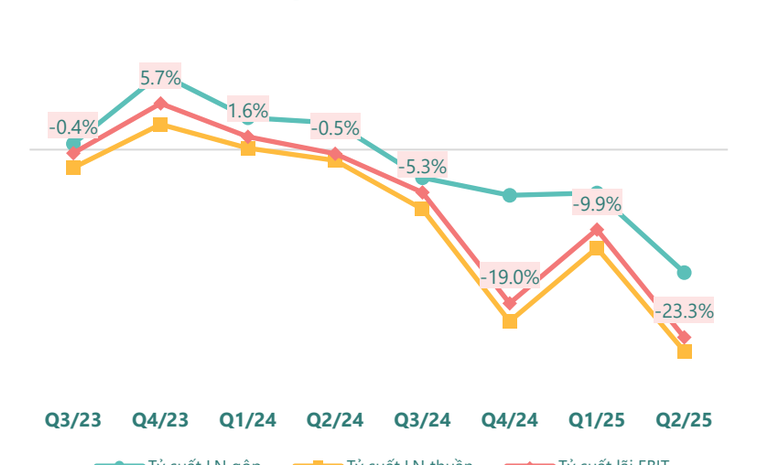
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



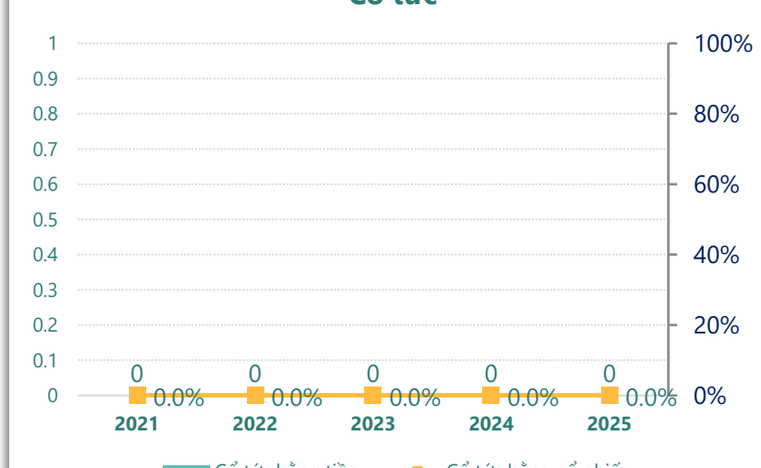
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

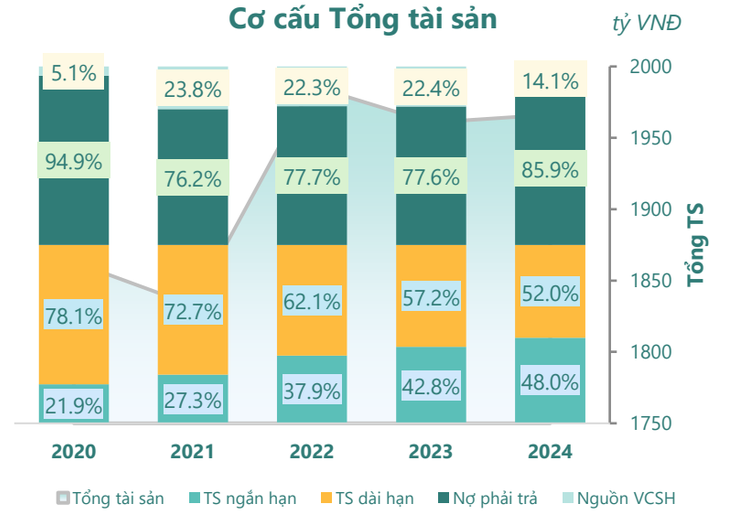
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

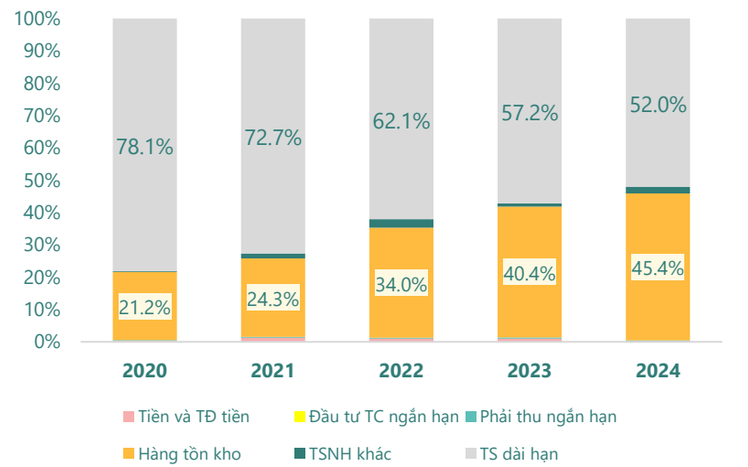
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



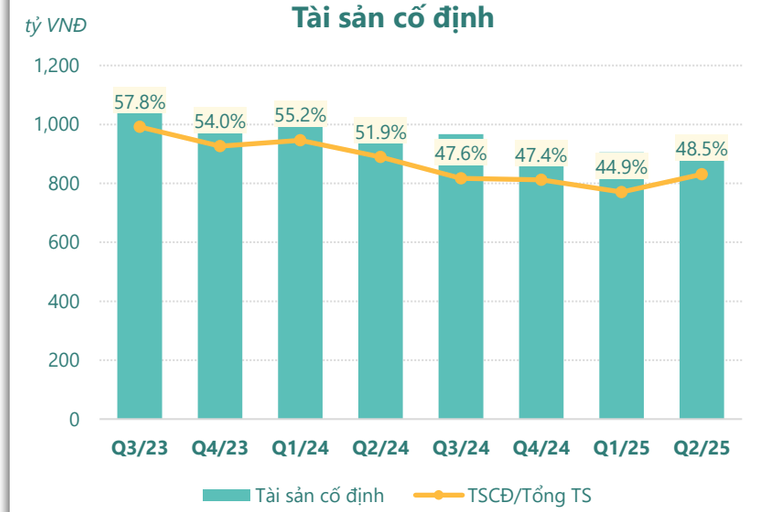
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



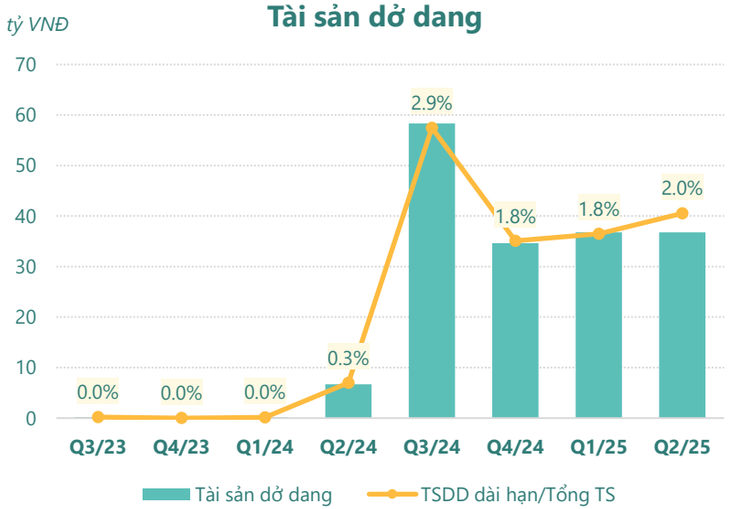
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



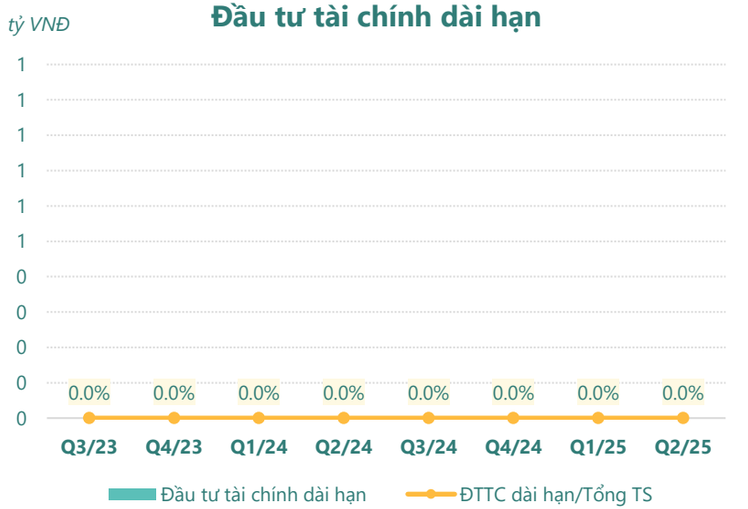
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



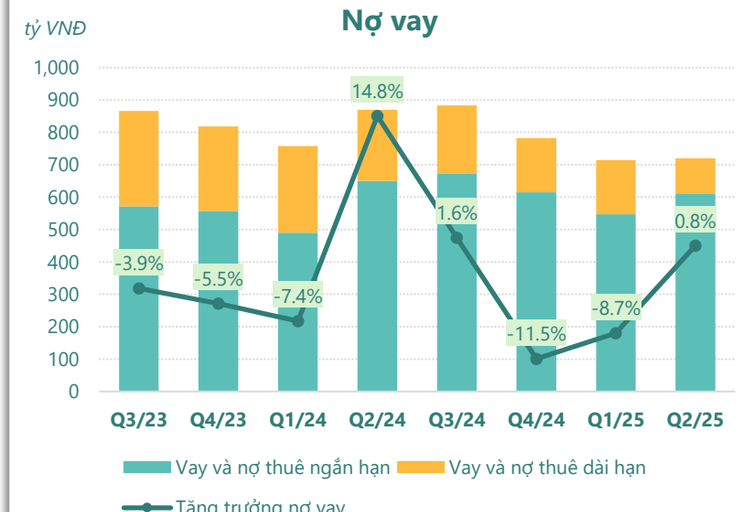
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

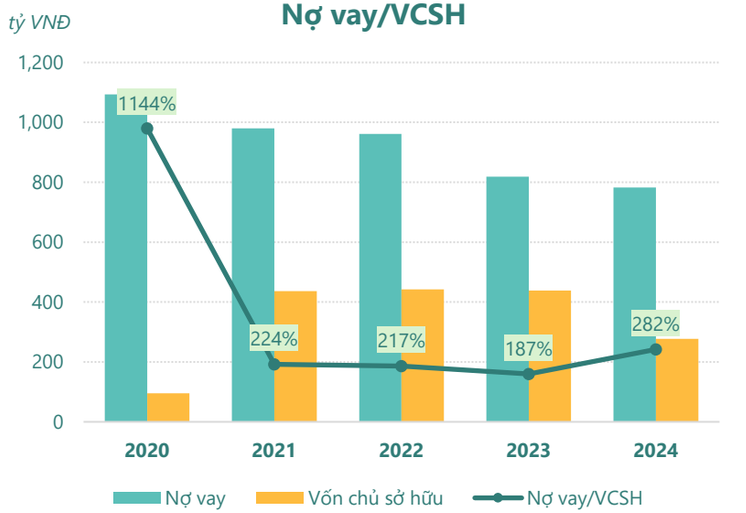
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

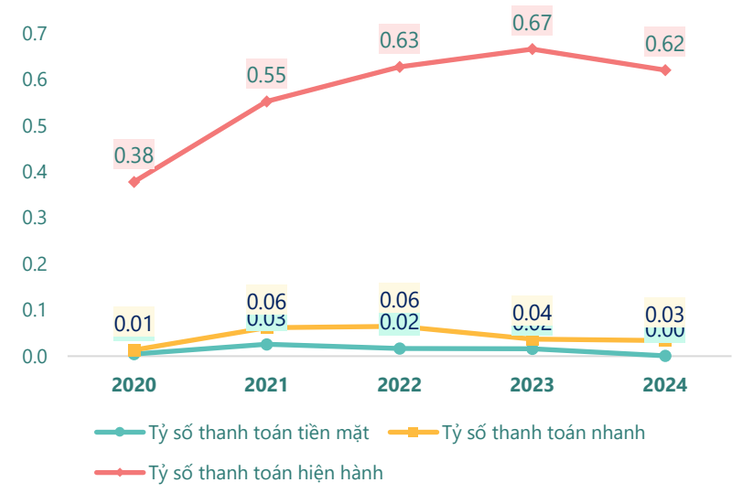
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



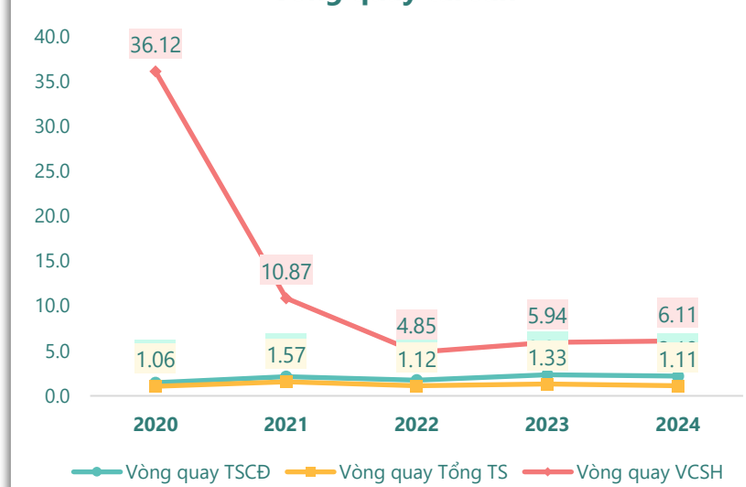
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



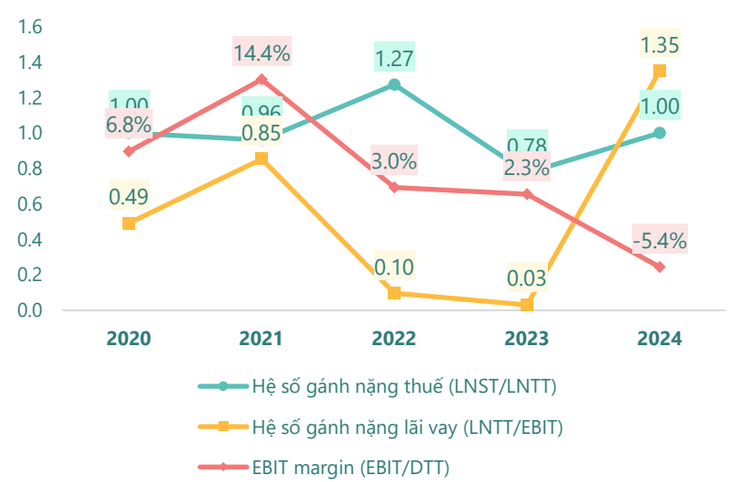
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



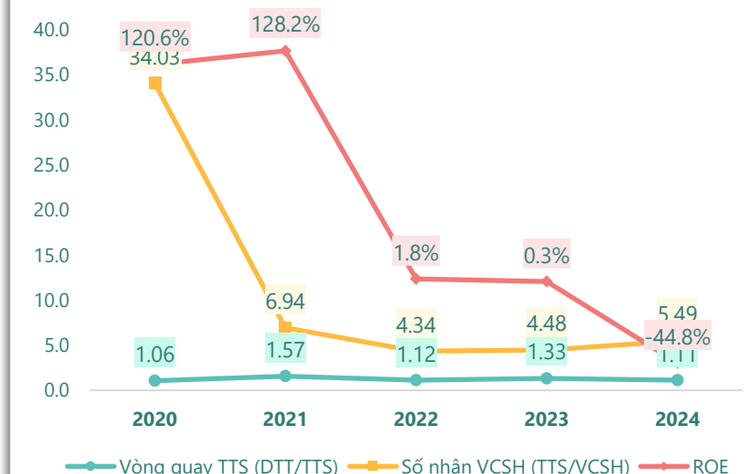
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



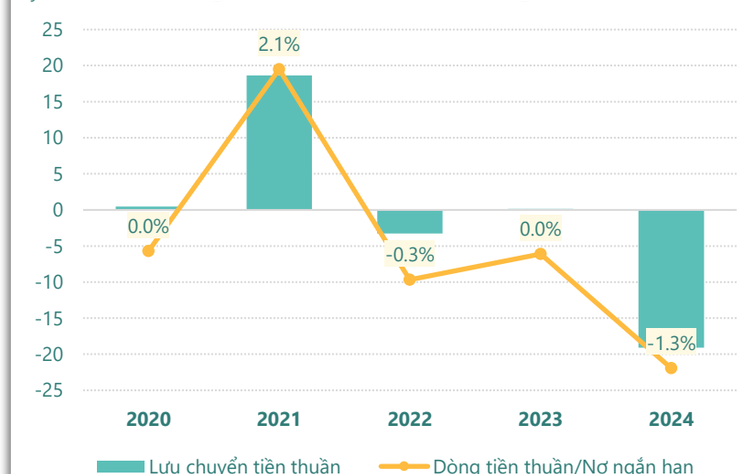
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**530**	**502**	**5.5%**	**948**	**1,186**	**-20.1%**
Giá vốn hàng bán	610	486	25.6%	1,051	1,142	-8.0%
Lợi nhuận gộp	-80.7	16.5	-589%	-103	43.5	-337%
Doanh thu HĐTC	1.18	0.01	11684%	1.18	0.01	7974%
Chi phí TC	16.0	17.2	-6.8%	26.5	36.2	-26.8%
Chi phí lãi vay	9.03	10.5	-14.0%	18.0	20.3	-11.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.6	0.58	2424%	26.8	1.08	2394%
Chi phí QLDN	**22.2**	**5.56**	**299%**	**28.1**	**11.9**	**137%**
LN thuần từ HĐKD	-132	-6.83	-1838%	-183	-5.66	-3140%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-6.26**	**100.0%**	**0.50**	**-6.26**	**108%**
LN trước thuế	-132	-13.1	-910%	-183	-11.9	-1435%
Lợi nhuận sau thuế	**-132**	**-12.9**	**-926%**	**-183**	**-11.9**	**-1435%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-132**	**-12.9**	**-926%**	**-183**	**-11.9**	**-1435%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.6	-107	46.0	50.0	76.9	2.16
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-8.79	-49.5	21.6	-2.33	-0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.5	99.2	21.1	-95.4	-68.0	-0.46
Tiền đầu kỳ	20.2	24.3	7.51	25.0	1.13	7.68
Lưu chuyển tiền thuần	**4.11**	**-16.8**	**17.5**	**-23.9**	**6.54**	**1.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.3	7.51	25.0	1.13	7.68	9.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,814**	**1,966**	**-7.7%**
Tài sản ngắn hạn	838	944	-11.2%
Tiền và tương đương tiền	9.19	1.13	711%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	26.1	7.46	251%
Hàng tồn kho	788	893	-11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.0	42.4	-64.6%
Tài sản dài hạn	**976**	**1,022**	**-4.5%**
Phải thu dài hạn	32.4	27.3	18.6%
Tài sản cố định	880	936	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.8	34.7	6.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**27.2**	**24.1**	**12.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,720	1,689	1.8%
Nợ ngắn hạn	**1,611**	**1,521**	**5.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	611	615	-0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	599	789	-24.1%
Nợ dài hạn	108	168	-35.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	108	168	-35.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**94.3**	**277**	**-66.0%**
Vốn chủ sở hữu	**94.3**	**277**	**-66.0%**
Vốn điều lệ	430	430	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)